

Bản án số: 134/2019/HS-PT
Ngày: 04-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 115/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Nhứt T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Nhứt T, sinh năm 19XX; Tên gọi khác: B; Nơi sinh: Tỉnh Đ; Nơi cư trú: Tổ X, khóm X, phường 1X, thành phố C, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: X/1X; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành C (chết) và bà Đường Kim T1, sinh năm 19XX; Vợ tên: Nguyễn Thị Yến D, sinh năm 19XX và có 02 người con, lớn sinh năm 20XX, nhỏ sinh năm 20XX; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam ngày 18/12/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Quang D1, Nguyễn Minh C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Linh N có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 31/5/2018, Nguyễn Nhựt T điện thoại rủ Nguyễn Quang D1 đến nhà T ở tổ X, khóm X, phường 1X, thành phố C, tỉnh Đ uống rượu và bàn công chuyện. D1 đồng ý đến nhà T cùng uống rượu với T, Đặng Văn P và Trần Trung T2. Trong lúc uống rượu, T nói với D1: “Ngày mai T3 rút tiền dơ không phải tiền sạch, mai lên lấy ngang, nó còn thiếu anh cả trăm triệu, đừng có sợ”. D1 đồng ý và hứa với T 06 giờ lên thị trấn T, huyện T. T nói: “Khi lên TB phải nghe theo sắp xếp của T”. Bàn bạc xong, cả nhóm tiếp tục uống hết 01 lít rượu thì nghỉ.

Đến 08 giờ ngày 01/6/2018, T điện thoại rủ Nguyễn Minh C1 (bạn T) nhà ở ấp X, xã P, huyện C, tỉnh Đ, đến thị trấn T, huyện T uống cà phê với D1 và T. C1 đồng ý và C1 rủ thêm Nguyễn Văn C2, C2 rủ Nguyễn Linh N. D1 điều khiển xe mô tô biển số 66H9-01XX chở C1, C2 điều khiển xe mô tô biển số 66G1-042.XX chở N chạy vào huyện T1. Khi đến gần cầu ranh giáp với huyện T1, Cường điện thoại cho T nhưng đưa cho D1 nói chuyện. T kêu nhóm của D1 đến quán cà phê gần Ngân hàng S thuộc khóm X, thị trấn T1 ngồi chờ T. Khoảng 15 phút sau, nhóm của D1 nhìn thấy T đang đậu xe trước cửa Ngân hàng, K đi từ trong Ngân hàng ra lên xe T chở chạy đi về hướng huyện T. D1 lên xe chở C1, N chở C2 chạy theo phía sau xe T. Nhóm của D1 chạy xe gần đến cầu ranh huyện T1 – huyện T nhìn thấy T điều khiển xe mô tô (xe không có biển số), màu đen, nhãn hiệu EXCITER rẽ trái vào đường đất khoảng 600 mét với tốc độ rất chậm, xe D1 chạy theo vượt lên phía bên phải và ép xe T dừng lại, xe C2 chở N chạy vượt lên đậu gần xe D1. Lúc này, C1 dùng tay nắm vai bên trái của K kéo xuống đất, D1 dựng xe dùng tay đánh trúng vào mắt trái K, C1 giật cặp vải màu đen K đang đeo trên người và lấy bóp tiền rút dưới đất gần chỗ K đứng để vào trong cặp và đưa cho C2 và N giữ. T đứng tại hiện trường dựng chân chống xe xuống đất và đứng cách xe khoảng 01 mét nhìn về hướng của D1, C1 nói “lấy được cặp rồi chạy đi” vừa nói vừa lắc đầu ra tín hiệu mặt hướng đường đất chạy thẳng. Nói xong, T điều khiển xe chạy hướng xuống xã P, huyện T1 bỏ K lại. D1 lục soát trên người K lấy 02 điện thoại di động, rồi nhóm D1 lên xe chạy đi theo hướng xe T. Nhóm của D1 chạy được khoảng 600 mét nhìn thấy T quay đầu xe trở lại chỗ K. Khi xe của nhóm D1 và xe của T giao nhau với tốc độ chậm khoảng 10km/h, T nói D1 “lấy được cặp rồi về đi”, cả nhóm của D1 đều nghe T nói. Sau đó, nhóm D1 chạy hướng xuống xã P. Trên đường đi, C2 đưa cặp vải cướp được của K cho C1 giữ, C1 mở cặp lấy cái bóp bên trong có 1.500.000 đồng cất giữ riêng. Khi đến đoạn đường đá mi thuộc xã B, huyện T, D1 kêu cả nhóm dừng xe lại kiểm tra bên trong cặp chỉ thấy con dấu tròn, dấu tên và một số giấy tờ khác, không có tiền. D1 đưa cặp cho C1 giữ và kêu C1 bấm số điện thoại của T đưa cho D1 nói cho T biết trong cặp có giấy tờ và con dấu không có tiền, T trả lời “ anh đi với mẹ anh rồi” và tắt điện thoại. Nhóm của D1 chạy xe về nhà, riêng C1 thì giữ cặp vải cướp được của K.

Đến 20 giờ cùng ngày, D1 đến nhà T gặp T2, S và T nên D1 vào nói chuyện với T “chia tiền cướp tài sản của K”, T trả lời “ Tiền này Công an dính

vô rồi để trả lại cho người ta”. Nghe vậy, D1 nghĩ T không chia tiền nên tức giận bỏ về và không liên lạc với T tới khi D1 ra đầu thú. Riêng C1, khoảng 07 ngày sau, C1 cùng với C2, V đến nhà T nói “anh kêu anh em đi cướp cặp của K mà không đưa tiền cà phê, xăng cộ cho anh em”, T trả lời “Người ta báo công an rồi, tiền này trả lại nếu dư thì chia tiền cà phê cho anh em sau”; nghe T nói vậy, C1, C2 và V đi về.

Khoảng 15 ngày sau, C1 lấy cặp vải màu đen cướp được của K kiểm tra thấy có giấy cầm xe mô tô biển số 66N7-57XX tên Huỳnh Văn Kn cầm tại dịch vụ cầm xe “H” thuộc khóm X, phường 1X, thành phố C với giá 6.000.000 đồng nên C1 đến gặp Thái Anh K1 là đại diện dịch vụ cầm xe “H” chuộc xe và giấy xe của K với giá 6.300.000 đồng rồi giao xe và giấy tờ cho Nguyễn Thị Thúy H (chị ruột C1) chạy đi bán vé số ở huyện P.

Vật chứng thu giữ của Thái Anh K1 gồm: 01 giấy hợp đồng cầm đồ ngày 20/5/2018 của dịch vụ cầm đồ “H” tên Huỳnh Văn K là người cầm xe mô tô biển số 66N7-57XX, giá 6.000.000 đồng.

Thu giữ của Nguyễn Minh C1: 01 cặp vải màu đen, loại cặp đựng máy laptop, nhãn hiệu Dell, có dây đeo, bên trong gồm: 01 phụ kiện sạc máy laptop (dây sạc pin máy lop top) nhãn hiệu acer; 01 dầu tròn màu đỏ, có tên Công ty trách nhiệm hữu hạn máy nông nghiệp H. Mã số doanh nghiệp: 14020617XX; 01 dầu tên Huỳnh Văn K, màu đỏ; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 8700270001XX, tên Huỳnh Văn K; 01 thẻ ATM Ngân hàng A, số thẻ 9704050688847XXX, mang tên Huỳnh Văn K; 01 thẻ ATM Ngân hàng S, số thẻ 9704034015421XXX; 01 giấy bán, cho, tặng xe biển số: 66N7-57XX, loại xe Wave, màu xám - đen, số máy 06465XX của dịch vụ cầm đồ “H” phường 1X, thành phố C, tỉnh Đ; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số 17548XXX tên Nguyễn Minh S; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 17548XXX tên Nguyễn Minh S; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tên cơ sở mua bán máy gặt đập liên hợp tên Huỳnh Văn K, số: 51L8002XXX; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 1402061XXX tên Huỳnh Văn K; 01 giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số người nộp thuế 8225789XXX người nộp thuế tên Huỳnh Văn K; 14 tờ giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (có đánh số thứ tự từ 01 đến 14); 20 tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) có đánh số từ 01 đến số 20; 01 xe mô tô, nhãn hiệu ATHERA, loại xe Wave, màu sơn: Đen, số khung 4UM -200XXX; số máy: 4N-140XXX, biển số 66H9-01XX, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 cái bóp da màu vàng; Tiền Việt Nam 1.500.000 đồng.

Thu giữ của Nguyễn Thị Thúy H gồm: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn: Đen - xám, số khung 43109Y104XXX; số máy 43E0646XXX, biển số 66N7-57XX, đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 006XXX do Nguyễn Minh S ngụ ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đ đứng tên chủ sở hữu.

Thu giữ của Nguyễn Linh N gồm: 01 xe mô tô, nhãn hiệu GUANATA, loại xe Wave, màu sơn: Xanh, số khung 044PU002XXX; số máy 3100002XXX, biển số 66G1-042.XX, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 20/BKLĐG, ngày 12/9/2018 của Hội đồng định tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T1, kết luận: 01 xe mô tô biển số 66N7-57XX, số máy: 43E0646XXX, số khung: 43109Y104XXX, nhãn hiệu HONDA, loại xe nữ, dung tích 109 cm³, màu sơn đen - xám, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 10.000.000đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 27/BKLĐG, ngày 25/10/2018 của Hội đồng định tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T1, kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG A9, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng bị rạn nứt, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 1.800.000đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu CAMPHONE, màu vàng đen, loại bàn phím, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 100.000đồng; tổng cộng hai điện thoại là: 1.900.000đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 08/BKLĐG, ngày 22/01/2019 của Hội đồng định tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T1, kết luận: 01 cái cặp vải màu đen để đựng máy vi tính xách tay, nhãn hiệu DELL, có 03 ngăn: 02 ngăn nhỏ, 01 ngăn lớn (có chống sốc), có dây đeo, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 85.000đồng; 01 cục sạc pin máy vi tính xách tay, nhãn hiệu ACER, model: PA-1650-02; INPUT: 100 - 240V, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 100.000đồng; tổng cộng: 185.000đồng.

Ngoài những tài sản trên đã đưa ra định giá thì còn có 01 cái bóp da màu vàng, các giấy tờ, thẻ ATM, con dấu của Huỳnh Văn K không có giá trị và định giá không được nên Cơ quan điều tra không đưa ra định giá mà xem xét trả lại cho K.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T1 đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhựt T phạm tội: “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; khoản 3 Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Quang D1, Nguyễn Minh C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Linh N mỗi bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, các bị cáo Nguyễn Nhựt T có đơn kháng

cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Nhựt T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức án 04 năm tù là phù hợp. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đã có cung cấp thêm tình tiết mới là sau khi phạm tội bị cáo đã đi đầu thú và tác động gia đình cùng với gia đình của bị cáo Nguyễn Quang D1 thỏa thuận khắc phục hậu quả cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 04 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Nhựt T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo đồng phạm trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 31/5/2018, Nguyễn Nhựt T rủ Nguyễn Quang D1, Nguyễn Minh C1 và xúi giục D1, C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Linh N cướp tài sản của Huỳnh Văn K. Tài sản mà T và các đồng phạm chiếm đoạt của anh K gồm: 1.500.000 đồng để trong cái bóp, 02 điện thoại di động trị giá 1.900.000 đồng, cặp vải và cục sạc pin máy vi tính trị giá 185.000 đồng; tổng cộng là 3.585.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo Nguyễn Nhựt T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người đã trưởng thành, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của con người luôn được pháp luật bảo vệ. Nếu người nào có hành vi xâm phạm đến tài sản của họ một cách trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh. Bị cáo nhận thức được hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền nhanh chóng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo T tham gia với vai trò chính, bị cáo đã rủ rê, bàn bạc và xúi giục các bị cáo D1, C1,

C2, N thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên và đã chiếm đoạt của người bị hại tiền mặt cũng như các tài sản khác có giá trị tổng cộng là 3.585.000 đồng. Điều đó cho thấy việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức án 04 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có cung cấp thêm tình tiết mới là sau khi phạm tội bị cáo đã đi đầu thú và tác động gia đình cùng với gia đình của bị cáo Nguyễn Quang D1 thỏa thuận khắc phục 2.000.000 đồng trong số 5.000.000 đồng cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Nhựt T. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhựt T phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; khoản 3 Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt T 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Nhựt T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC – Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện T1;
- CQCSĐT Công an huyện T1;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSYA (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Khắc Thịnh